TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Khánh Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 236/TB-TLVA ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, theo Quyết định mở phiên họp số 27/2023/QĐ-TA ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm S, xã L, huyện T, Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm S, xã L, huyện T, Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị T, ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn D, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

* Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/9/2019 tại UBND xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh D và có một con chung. Tuy nhiên, một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, chị T đưa con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Năm 2021, anh D sang Nhật Bản lao động, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục. Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/10/2019. Vợ chồng thỏa thuận giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình anh Phạm Văn D về nước. Tòa án đã trước tiếp làm việc với anh D và anh đã thống nhất toàn bộ quan điểm liên quan đến việc ly hôn của mình và chị T.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 370 Bộ luật TTDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu của các đương sự, cụ thể: Về tình cảm: "Công nhận thuận tinh ly hôn" giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D. Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D có con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/10/2019. Giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phạm Văn D được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 22457 ngày 26/10/2022 của Cục xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp anh Phạm Văn D, sinh ngày 15/5/1992, đã xuất nhập cảnh 05 lần (lần cuối ngày 19/01/2021). Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn D về nước. Tòa án đã trực tiếp làm việc với anh Phạm Văn D, anh đã thống nhất với chị T về các vấn đề

tình cảm, con chung, tài sản chung, đồng thời đề nghị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy, Tòa án tỉnh Hà Tĩnh chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án "Tranh chấp hôn nhân gia đình" thành việc hôn nhân gia đình "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" là đúng quy định tại Điều 361 Bộ luật TTDS năm 2015.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh D và có một con chung. Tuy nhiên, một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, chị T đưa con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Năm 2021, anh D sang Nhật Bản lao động, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục. Anh D và chị T đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn…" (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, anh D như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.Cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị T theo biên lai số 0000389 ngày 08/11/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 03/3/2023.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương Huyền